TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 45/2019/HSST
Ngày: 08 - 5 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN - TỈNH BÌNH ĐỊNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Thọ: Giáo viên hưu trí
2. Bà Trương Thị Thu Hiền: Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ phường Đống Đa, TP. Quy Nhơn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hồ Thị Mỹ Trinh là Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn tham gia phiên tòa*:** Ông Trần An Vinh là Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 45/2019/HSST ngày 09 tháng 4 năm 2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2019/HSST/QĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. ĐỖ QUỐC T. sinh năm 1984 tại tỉnh B.; Nơi cư trú: Xóm 3, thôn T., xã P., TP. Q., tỉnh B.; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; con ông Đỗ Quang L. sinh năm 1945 và bà Phạm Thị T. sinh năm 1945; có vợ là bà Nguyễn Thái Thụy Mỹ L. sinh năm 1988; có 02 con, con lớn 08 tuổi, con nhỏ 05 tuổi; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 18/7/2012, bị Tòa án nhân dân tỉnh B. xét xử phúc thẩm, xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong ngày 02/02/2013; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn " Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

2. TRẦN VĂN C. sinh năm 1973 tại tỉnh B.; Nơi cư trú: Xóm 2, thôn L., xã P., TP. Q., tỉnh B.; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; Con ông Trần Đức H. sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị Kim H. sinh năm 1953; Có vợ là bà Lâm Thị P. sinh năm 1981; Có 03 con, lớn nhất 20 tuổi, nhỏ nhất 07 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn " Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

- *Bị hại*:

Bà Phan Thị Xuân N. sinh năm 1967; Trú tại: Số nhà 122 đường Â. TP. Q., tỉnh B.; có mặt.

Anh Phan Thanh H. sinh năm 1980; Trú tại: Thôn Q., xã P., huyện T., tỉnh B.; vắng mặt.

Bà Đặng Thị P. sinh năm 1976; Trú tại: Tổ 1, khu vực 8, phường T., TP. Q., tỉnh B.; vắng mặt.

Anh Nguyễn Kim S. sinh năm 1988; Trú tại: Tổ 4, Khu vực 7, phường B., TP. Q., tỉnh B.; vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Ông Lê Thành D. sinh năm 1965; Trú tại: Số nhà 122 đường Â., TP. Q., tỉnh B.; Có mặt.

Chị Lâm Thị P. sinh năm 1981; Trú tại: Xóm 2, thôn L., xã P. TP. Q., tỉnh B.; Có mặt.

Anh Trần Ngọc T. sinh năm 1976; Trú tại: Tổ 7, khu vực 7, phường B., TP. Q., tỉnh B.; Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong tháng 11/2018, Đỗ Quốc T.cùng Trần Văn C. thực hiện nhiều vụ trộm cắp bình ắc quy trên địa bàn TP. Q., cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 23 giờ ngày 09/11/2018, Đỗ Quốc T. rủ Trần Văn C. đi trộm bình ắc quy trên các xe tải của ông Lê Thành D. đậu trước cổng xưởng mùn cưa tại tổ 5, khu vực 6, phường T., TP. Q.. T. điều khiển xe Wave không biển số; C. điều khiển xe Sirius biển số 77L1-509.06 cùng đi đến xưởng mùn cưa. Tại đây, C. cảnh giới, T. dùng bộ cờ lê chuẩn bị sẵn đến tháo lấy 02 bình ắc quy gắn trên xe ô tô tải biển số 77C-004.46 của bà Phan Thị Xuân N.. Sau đó, C. chạy xe đến chở T. mang theo 02 bình ắc quy trộm được đến trước tiệm mua bán phế liệu của anh Trần Ngọc T. ở tổ 9, khu vực 7, phường B., TP. Q. cất giấu rồi cả hai quay lại lấy xe Wave đi về nhà. Ngày 10/11/2018, C. và T.đem bán 02 bình ắc quy trên cho anh T. được 800.000 đồng, chia nhau tiêu xài hết. Sau đó, anh T. bán 02 bình ắc quy này cho một người khách không rõ lai lịch nên không thu hồi được.

Ngày 14/12/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP. Quy Nhơn kết luận: 02 bình ắc quy màu đen, hiệu "dongnai', loại 12V-100Ah có tổng trị giá: 3.600.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 23 giờ ngày 27/11/2018, với phương thức và thủ đoạn như trên T. và C. đã lén lút trộm 02 bình ắc quy trên xe ô tô tải biển số 77C-002.39 của chị Đặng Thị P. đậu ở trước nhà tại tổ 1, khu vực 8, phường T., TP. Q.. Sau đó, C. chở T. mang 02 bình ắc quy trộm được đến trước tiệm mua bán phế liệu của anh T. cất giấu rồi cả hai tiếp tục đi trộm 01 bình ắc quy màu trắng, hiệu "dongnai", loại 12V-75Ah của một xe ô tô tải (không rõ biển số và chủ sở hữu) đậu ven đường T., TP. Q. thuộc tổ 5, khu vực 6, phường T., TP. Q. đem đến trước tiệm thu mua phế liệu của anh T. cất giấu. Ngày 28/11/2018, T. và C. đem 03 bình ắc quy trên bán cho anh T. được 900.000đ, chia nhau tiêu xài hết. Đối với chiếc bình ắc quy T.và C. trộm ở đường T., Cơ quan CSĐT - Công an TP. Q. đã tiến hành xác minh, thông báo tìm bị hại nhưng đến nay chưa xác định được bị hại.

Ngày 14/12/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP. Q. kết luận: 02 bình ắc quy màu trắng, hiệu "dongnai", loại 12V-100Ah và loại 12V-85Ah có tổng giá trị 800.000 đồng; 01 bình ắc quy màu trắng, hiệu "dongnai", loại 12V-75Ah trị giá 300.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 21^{h}30 ngày 30/11/2018, C rủ T đi trộm bình ắc quy, T đồng ý. C điều khiển xe Sirius biển số 77L1-509.06 chở T mang theo bộ cờ lê đi dạo dọc theo tuyến Quốc lộ 1A hướng về đèo Cù Mông. Đến khoảng 01 giờ ngày 01/12/2018, phát hiện xe ô tô tải biển số 77C-070.07 của anh Nguyễn Kim S đậu trước nhà tại tổ 4, khu vực 7, phường B., TP. Q., không người trông coi nên C. dừng xe lại đứng ngoài cảnh giới, T. đến dùng cờ lê tháo lấy 01 bình ắc quy rồi C. chở T. cùng bình ắc quy đến trước tiệm mua bán phế liệu anh T. cất giấu. Sự việc bị anh Nguyễn Trần T. phát hiện, đuổi theo bắt giữ đưa về Trụ sở Công an phường B. làm việc. Tại đây, T. và C. thừa nhận hành vi trộm cắp của mình và đã tạm giữ các bình ắc quy nêu trên.

Ngày 14/12/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP. Q. kết luận: Bình ắc quy màu trắng, hiệu "dongnai", loại 12V-100Ah giá trị 1.500.000 đồng.

Ngoài ra, vào ngày 15/8/2018, khi làm việc tại xưởng mùn cưa của ông Lê Thành D. tại tổ 5, khu vực 6, phường T., TP. Q., Đỗ Quốc T thấy ở gần bãi đậu xe tải có để một bộ cờ lê (của ông Lê Thành D giao cho anh Phan Văn H. quản lý, sử dụng) và một cây mỏ lết của anh Phan Văn H. được xếp gọn trong túi vải màu đỏ, không người trông coi nên T.lén lấy đem về nhà cất giấu, sử dụng.

Ngày 14/12/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP. Quy Nhơn kết luận: 01 bộ công cụ gồm 12 cây cờ lê trị giá 338.000 đồng và 01 cây mỏ lết trị giá: 98.000 đồng.

Cơ quan CSĐT - Công an TP. Quy Nhơn đã tạm giữ: 12 cây cờ lê, 01 cây mỏ lết; 01 xe mô tô Sirius biển số 77L1-509.06; 04 bình ắc quy màu trắng, hiệu

“dongnai” gồm 02 bình loại 12V-100Ah, 01 bình loại 12V-85Ah và 01 bình loại 12V-75Ah.

Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại: 12 cây cờ lê cho ông Lê Thành D.; 01 cây mỏ lết cho anh Phan Văn H.; 01 bình ắc quy màu trắng, hiệu “dongnai”, loại 12V-100Ah cho anh Nguyễn Kim S.; 02 bình ắc quy màu trắng, hiệu “dongnai” gồm 01 bình loại 12V-100Ah, 01 bình loại 12V-85Ah cho chị Đặng Thị P..

Đỗ Quốc T. và Trần Văn C. đã gặp bà Phan Thị Xuân N. để bồi thường thiệt hại nhưng chị N. không yêu cầu bồi thường. T. và C. đã hoàn trả cho anh T. số tiền 900.000 đồng, anh T. và các bị hại khác đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Bản cáo trạng số 52/CT - VKSQN ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Q. truy tố các bị cáo Đỗ Quốc T., Trần Văn C.về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các bị cáo Đỗ Quốc T., Trần Văn C. có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo vẫn lợi dụng đêm khuya, các lái xe, chủ xe tải đậu xe trên đường về nhà ngủ, rủ nhau lén lút dùng công cụ mang theo tháo các bình ắc quy trên xe của họ mang đi bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Từ ngày 09/11/2018 đến ngày 30/11/2018, các bị cáo đã lấy 06 bình ắc quy các loại có tổng giá trị 5.900.000 đồng, bị cáo T. còn lấy 01 bộ cờ lê, mỏ lết có giá trị 436.000 đồng nên Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố. Trong vụ án này bị cáo T. vừa là người rủ rê vừa là người thực hành nên có vai trò chính. Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã đến gặp bị hại có tài sản không thu hồi được xin bồi thường thiệt hại nhưng bị hại không nhận, đã hoàn lại tiền cho người mua tài sản các bị cáo trộm cắp mang đến bán nhưng đã bị thu hồi để khắc phục hậu quả, được bị hại Nở xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo C. phạm tội lần đầu và thuộc hợp ít nghiêm trọng nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo Đỗ Quốc T. từ 09 đến 12 tháng tù; Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS, xử phạt bị cáo Trần Văn C. từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật; Áp dụng Điều 47; Điều 48 BLHS; Điều 106 BLTTHS trả lại cho chị Lâm Thị P. xe mô tô biển số 77L1 -509.06; Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước bình ắc quy đang thu giữ.

Bị cáo không tự bào chữa.

Bị hại Phan Thị Xuân N. xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo hối hận về hành vi của mình, xin Tòa giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Quy Nhơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các bị cáo Đỗ Quốc T., Trần Văn C. có đầy đủ sức khỏe, có trình độ học vấn, đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình nên biết rất rõ tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh nhưng vì tham lam, xem thường pháp luật nên mặc dù cả hai đều có nghề nghiệp, có thu nhập nhưng vẫn lợi dụng đêm khuya, các lái xe, chủ xe tải đậu xe trên đường về nhà ngủ, rủ nhau lén lút dùng công cụ mang theo tháo các bình ắc quy trên xe của họ mang đi bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Các bị cáo đã lấy 02 bình ắc quy màu đen, hiệu "dongnai", loại 12V -100Ah trên xe tải biển số 77C -004.46 của bà Phan Thị Xuân N.; 02 bình ắc quy màu trắng, hiệu "dongnai", loại 12V -100Ah và loại 12V-85 Ah trên xe tải biển số 77C-002-39 của chị Đặng Thị P.; 01 bình ắc quy màu trắng, hiệu "dongnai", loại 12V-100Ah trên xe ô tô tải biển kiểm soát 77C-070.07 của anh Nguyễn Kim S.. Ngoài ra, trước đó bị cáo Đỗ Quốc T. còn lén lút lấy 12 cây cờ lê, 01 cây mỏ lết của anh Phan Văn H. (12 cây cờ lê là của ông Lê Thành D. giao cho anh H. quản lý, sử dụng). Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP. Q. định giá thì tổng giá trị tài sản bị cáo T. chiếm đoạt là 6.336.000 đồng; Tổng giá trị tài sản bị cáo C. tham gia chiếm đoạt là 5.900.000 đồng nên các bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản Điều 173 BLHS.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác, ảnh hưởng đến việc kinh doanh của các chủ xe tải, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội ở địa phương nên cần xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục riêng đối với các bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung đối với xã hội.

Vụ án có 02 bị cáo tham gia, xét vai trò của từng bị cáo thì thấy:

Bị cáo Đỗ Quốc T. đã từng bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản" nhưng không lấy đó làm bài học để rèn luyện, tu dưỡng bản thân, bị cáo có nghề nghiệp, có thu nhập nhưng trong quá trình làm việc tại xưởng của ông D., nhìn thấy các lái xe tải dùng cờ lê tháo, ráp bình ắc quy và bình ắc quy có thể bán phế liệu lấy tiền nên bị cáo đã lén lấy bộ đồ nghề sửa xe của ông Lê Thành D. do anh Phan Văn H. quản lý, sau đó rủ bị cáo C. đi trộm bình ắc quy trên các xe tải chứng tỏ bị cáo rất xem thường pháp luật. Bị cáo đã sử dụng bộ đồ nghề mang theo trực tiếp tháo các bình ắc quy trên các xe tải khi phát hiện xe tải đậu trên

đường không có người trông coi. Bị cáo có vai trò chính trong vụ án, nhân thân xấu nên cần xử lý nghiêm khắc hơn với mức hình phạt cao hơn bị cáo C. và cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung đối với xã hội.

Bị cáo Trần Văn C. lớn tuổi hơn bị cáo T. rất nhiều nhưng khi ăn nhậu cùng với bị cáo T., nghe bị cáo T. rủ đi lấy bình ắc quy trên các xe tải đã không can ngăn còn đồng ý, sau đó có lần bị cáo còn chủ động rủ bị cáo T. đi trộm. Bị cáo sử dụng xe mô tô của gia đình chở bị cáo T. đi trộm. Khi bị cáo T. phát hiện xe tải đậu không có người trông coi bị cáo đứng cảnh giới để bị cáo T. dùng công cụ mang theo tháo rời các bình ắc quy trên các xe tải, sau đó chở bị cáo T.và tài sản trộm được mang đi bán. Bị cáo là đồng phạm với vai trò là người giúp sức tích cực nên cần xử lý thích đáng.

Tuy nhiên, tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; đã đến gia đình bị hại có tài sản không thu hồi được xin bồi thường thiệt hại nhưng bị hại không nhận, đã hoàn lại tiền cho người mua tài sản các bị cáo lấy trộm mang đến bán bị thu hồi để khắc phục hậu quả. Tại phiên tòa bị hại N. xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo C. phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS. Xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo Cườm có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên xử các bị cáo với mức án có lý, có tình và không cần cách ly bị cáo C. ra khỏi xã hội, cho bị cáo C. được hưởng án treo như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

Ngoài ra, các bị cáo còn khai vào đêm ngày 27/11/2018 sau khi lấy trộm 02 bình ắc quy của chị P. các bị cáo còn lấy trộm 01 bình ắc quy "dongnai" 12V - 75Ah trên một xe tải không nhớ biển kiểm soát đậu trên đường Trần Đại N., TP. Q., cơ quan điều tra đã xác minh, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng tìm bị hại nhưng đến nay chưa xác định được bị hại nên chưa có cơ sở xem xét hành vi này.

Trần Ngọc T. mua các bình ắc quy các bị cáo lấy của bà N., chị P.mang đến bán nhưng không biết đó là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nên không phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

[4] Bồi thường thiệt hại:

Các bị cáo lấy của bà Phan Thị Xuân N. 02 bình ắc quy mang bán cho anh T., anh T. đã bán 02 bình ắc quy này nhưng không nhớ người mua nên không thu hồi được nên các bị cáo phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho bà N. nhưng bà N. tự nguyện không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xét.

Chị P., anh S., anh H., ông D. đã nhận lại tài sản bị các bị cáo chiếm đoạt, không ai yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xét.

Trần Ngọc T. mua 03 ắc quy các bị cáo lấy vào đêm ngày 27/11/2018 mang đến bán, cả 03 bình ắc quy trên đều bị thu hồi trả lại cho bị hại hoặc tạm giữ, các bị cáo đã hoàn lại cho anh T. 900.000 đồng tiền mua 03 bình ắc quy trên, anh T. không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xét.

[5] Xử lý vật chứng:

Xét xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu trắng mang biển số 77L1-509.06, có số máy: 104660; Số khung: 104661, đã qua sử dụng đang thu giữ là của vợ chồng bị cáo Trần Văn C. và chị Lâm Thị P. do chị P. đứng trên giấy đăng ký quyền sở hữu và được cả hai sử dụng chung. Bị cáo C.sử dụng xe chở bị cáo T. đi trộm tài sản chị P. không biết nên trả lại xe này cho bị cáo C. và chị P..

Bình ắc quy màu trắng, có nắp màu đen, hiệu "DONGNAI", loại 12V - 75Ah, có số seri: 141905160489, đã qua sử dụng là bình ắc quy các bị cáo khai đã lấy vào đêm ngày 27/11/2018, cơ quan điều tra đã thông báo tìm kiếm chủ sở hữu nhưng đến nay không xác định được chủ sở hữu, bình ắc quy đã cũ nên tịch thu, tiêu hủy.

[6] Về án phí:

Các bị cáo bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản" nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố Các bị cáo Đỗ Quốc T., Trần Văn C. đều phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt bị cáo Đỗ Quốc T. 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt bị cáo Trần Văn C. 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P., TP. Q., tỉnh B. giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47; Điều 48 BLHS; Điều 106 BLTTHS

Trả lại cho bị cáo Trần Văn C. và chị Lâm Thị P. xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu trắng mang biển số 77L1-509.06, có số máy: 104660; Số khung: 104661, đã qua sử dụng;

Tịch thu, tiêu hủy bình ắc quy màu trắng, có nắp màu đen, hiệu "DONGNAI", loại 12V - 75Ah, có số seri: 141905160489 đã qua sử dụng. (Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Q.).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4.Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. Quy Nhơn;
- CQ CSĐT CA Tp. Quy Nhơn;
- Đội ĐTTH CA Tp. Quy Nhơn;
- Đương sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Phan Thị Thúy